Ký bởi: TRUNG TÂM THÔNG TIN ĐIỆN TỬ THÀNH PHỐ
Email: ttttdttp@tphcm.gov.vn
Cơ quan: VĂN PHÒNG ỦY BAN NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 63/2025/NQ-HĐND	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 12 năm 2025*

NGHỊ QUYẾT

Về việc quy định mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân số 85/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Luật số 83/2025/QH15;

Căn cứ Thông tư số 87/2025/TT-BTC của Bộ Trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Căn cứ Thông tư số 21/2025/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn nghiệp vụ công tác tổ chức bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031;

Xét Tờ trình số 1010/TTr-UBND ngày 05 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân Thành phố quy định mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 911/BC-BKTNS ngày 08 tháng 12 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân Thành phố; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân Thành phố ban hành quy định mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Mức chi, thời gian hỗ trợ kinh phí

1. Mức chi kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XVI và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2026 - 2031 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh *(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)*.

2. Thời gian hưởng chế độ bồi dưỡng, hỗ trợ cước điện thoại di động được tính theo thời gian thực tế phục vụ công tác bầu cử, từ thời gian theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt đến khi kết thúc nhiệm vụ.

3. Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau thì chỉ được hưởng mức chi cao nhất theo quy định tại Phụ lục đính kèm của khoản 1 Điều 2 Nghị quyết này. Danh sách các trường hợp được hưởng mức chi hỗ trợ thực hiện theo Nghị quyết, Quyết định thành lập, cử người được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

4. Trường hợp các nội dung chi phát sinh liên quan trực tiếp đến công tác bầu cử và chưa được quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và Thành phố Hồ Chí Minh: Ủy ban nhân dân Thành phố quyết định mức chi cụ thể sau khi thống nhất với Ủy ban bầu cử Thành phố và Thường trực Hội đồng nhân dân Thành phố để làm cơ sở triển khai thực hiện. Sau khi thực hiện, Ủy ban nhân dân Thành phố có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo Hội đồng nhân dân Thành phố tại kỳ họp gần nhất.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Từ ngân sách Trung ương bổ sung cho ngân sách Thành phố và ngân sách Thành phố đảm bảo phần chênh lệch nếu thiếu.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân Thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân Thành phố tổ chức giám sát chặt chẽ quá trình tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 10 tháng 12 năm 2025.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 12 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Nghị quyết số 01/2021/NQ-HĐND ngày 18 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Dương và Nghị quyết số 03/2021/NQ-HĐND ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định nội dung, mức chi, thời gian được hưởng hỗ trợ phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành.

3. Thời gian áp dụng các mức chi tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định tại Luật bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn của Trung ương và Thành phố.

4. Đối với khối lượng công việc của các cơ quan, đơn vị đã triển khai thực hiện trước khi Nghị quyết này có hiệu lực; các cơ quan, đơn vị căn cứ quy định tại Nghị quyết này và chứng từ chi tiêu thực tế, hợp pháp, hợp lệ để quyết toán kinh phí theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

5. Trường hợp các văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cấp có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh khóa X, Kỳ họp thứ sáu thông qua ngày 10 tháng 12 năm 2025./.

CHỦ TỊCH

Võ Văn Minh

Phụ lục

QUY ĐỊNH MỨC CHI, THỜI GIAN HỖ TRỢ KINH PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC BẦU CỬ ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHÓA XVI VÀ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP NHIỆM KỲ 2026 - 2031 TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

(Kèm theo Nghị quyết số 63/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	Cấp xã	
1	**Chi tổ chức hội nghị**			
1.1	Chi tổ chức hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri, vận động bầu cử, hội nghị giao ban, hội nghị tổng kết, khen thưởng	Nghị quyết số 51/2025/NQ-HĐND ngày 14/11/2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành mức chi công tác phí và chế độ tổ chức hội nghị trên địa bàn Thành phố		
1.2	Chi tổ chức tập huấn	Nghị quyết số 427/2025/NQ-HĐND ngày 29/9/2025 về việc áp dụng Nghị quyết số 29/2018/NQ-HĐND ngày 07/12/2018 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh		
2	**Chi bồi dưỡng các cuộc họp**			
2.1	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Ban chỉ đạo, Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tiểu ban bầu cử (được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền) và các cuộc họp của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp trên địa bàn Thành phố tổ chức			
	Chủ trì cuộc họp	500.000 đồng/người/buổi	400.000 đồng/người/buổi	
	Thành viên tham dự	200.000 đồng/người/buổi	160.000 đồng/người/buổi	
	Các đối tượng phục vụ	100.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi	

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	Cấp xã	
2.2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Tổ giúp việc Ban chỉ đạo (được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền) và các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử			
	Chủ trì cuộc họp	300.000 đồng/người/buổi	240.000 đồng/người/buổi	
	Thành viên tham dự	200.000 đồng/người/buổi	160.000 đồng/người/buổi	
	Các đối tượng phục vụ	100.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi	
2.3	Chi bồi dưỡng các cuộc họp của Tổ giúp việc các Tiểu ban thuộc Ủy ban bầu cử Thành phố			
	Chủ trì cuộc họp	300.000 đồng/người/buổi		
	Thành viên tham dự	200.000 đồng/người/buổi		
	Các đối tượng phục vụ	100.000 đồng/người/buổi		
3	**Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử**			
3.1	Ngoài chế độ thanh toán công tác phí theo quy định hiện hành, các đoàn công tác được chi như sau:			
	Trưởng đoàn kiểm tra/giám sát	300.000 đồng/người/buổi	240.000 đồng/người/buổi	
	Thành viên chính thức của đoàn kiểm tra/giám sát	200.000 đồng/người/buổi	160.000 đồng/người/buổi	
	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ trực tiếp đoàn kiểm tra/giám sát	150.000 đồng/người/buổi	120.000 đồng/người/buổi	
	Phục vụ gián tiếp đoàn kiểm tra/giám sát (lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	100.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi	
3.2	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát			

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	Cấp xã	
	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; Báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát	5.000.000 đồng/báo cáo	4.000.000 đồng/báo cáo	
	Báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử, Hội đồng bầu cử Quốc gia	7.000.000 đồng/báo cáo	5.600.000 đồng/báo cáo	
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	200.000 đồng/người/lần (tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản)	160.000 đồng/người/lần (tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 800.000 đồng người/văn bản)	
	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	1.000.000 đồng/báo cáo	800.000 đồng/báo cáo	
3.3	Chi tiếp đoàn kiểm tra, giám sát của Trung ương	300.000 đồng/người/buổi		Số lượng đối tượng chi thanh toán do thủ trưởng cơ quan tiếp đoàn quyết định
4	**Chi xây dựng văn bản về bầu cử**			
4.1	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến công tác bầu cử	Nghị quyết số 197/2025/QH15 ngày 17/5/2025 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc biệt tạo đột phá trong xây dựng, tổ chức thi hành pháp luật và các văn bản hướng dẫn thi hành và Nghị định số 289/2025/NĐ-CP ngày 06/11/2025 của Chính phủ và các văn bản có liên quan		
4.2	Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh tại mục 4.1 nêu trên có liên quan đến công tác bầu cử (*nghị quyết, quyết định, thông tri, chỉ thị, kế hoạch, thông báo, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử)*			

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	Cấp xã	
	Chi xây dựng văn bản (tính cho sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý).	3.000.000 đồng/văn bản		
	Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia	200.000 đồng/người/lần (tổng mức chi xin ý kiến tối đa là 1.000.000 đồng/người/văn bản)		
5	**Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử**			
5.1	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử, Trưởng, Phó Trưởng Ban chỉ đạo, Trưởng các Tiểu ban, Trưởng Ban bầu cử	3.300.000 đồng/người/tháng	2.640.000 đồng/người/tháng	
	Thành viên Ủy ban bầu cử, Thành viên Ban Chỉ đạo; Phó Trưởng Ban bầu cử, Thành viên Ban bầu cử; Phó Trưởng các Tiểu ban, Thành viên các Tiểu ban; Tổ trưởng và Tổ phó Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo	3.000.000 đồng/người/tháng	2.400.000 đồng/người/tháng	
	Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo	2.700.000 đồng/người/tháng	2.160.000 đồng/người/tháng	
	Tổ trưởng và Tổ phó Tổ giúp việc các Tiểu ban bầu cử	3.000.000 đồng/người/tháng		
	Thành viên Tổ giúp việc các Tiểu ban bầu cử	2.700.000 đồng/người/tháng		
5.2	Các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã được huy động, trưng tập tham gia tại các Tiểu ban, các Tổ giúp việc)	200.000 đồng/người/ngày (Trường hợp thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ bầu cử từ	160.000 đồng/người/ngày (Trường hợp thời gian huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ bầu	

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	Cấp xã	
	Thời gian hưởng chế độ chi bồi dưỡng không quá 15 ngày (không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân và giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử, ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử).	15 ngày trở lên khoán tối đa 3.000.000 đồng/người/tháng)	cử từ 15 ngày trở lên khoán tối đa 2.400.000 đồng/người/tháng)	
5.3	Chi bồi dưỡng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	300.000 đồng/người/ngày		Áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử
5.4	Chi hỗ trợ tiền ăn 02 ngày (ngày bầu cử và ngày sau ngày bầu cử)	300.000 đồng/người/ngày		
6	**Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử**			
6.1	Chủ tịch, Phó Chủ tịch Ủy ban bầu cử, Trưởng, Phó Trưởng Ban chỉ đạo, Trưởng các Tiểu ban, Trưởng Ban bầu cử	500.000 đồng/người/tháng	400.000 đồng/người/tháng	
6.2	Thành viên Ủy ban bầu cử; Thành viên Ban Chỉ đạo; Phó Trưởng Ban bầu cử, Thành viên Ban bầu cử, Phó Trưởng các Tiểu ban, Thành viên các Tiểu ban, Tổ trưởng và Tổ phó Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo	400.000 đồng/người/tháng	320.000 đồng/người/tháng	
6.3	Tổ trưởng và Tổ phó Tổ giúp việc các Tiểu ban bầu cử	400.000 đồng/người/tháng		
6.4	Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo	300.000 đồng/người/tháng	240.000 đồng/người/tháng	

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	Cấp xã	
	Thành viên Tổ giúp việc các Tiểu ban bầu cử	300.000 đồng/người/tháng		
7	**Khoán chi hỗ trợ điểm thực hiện lấy ý kiến cử tri nơi cư trú và đi tiếp xúc cử tri ở địa bàn được giới thiệu ứng cử**	Tối đa 5.000.000 đồng/điểm		Danh sách điểm tiếp xúc cử tri thực hiện theo kế hoạch tiếp xúc cử tri của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc cùng cấp.
8	**Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử**			
	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	150.000 đồng/người/buổi	120.000 đồng/người/buổi	
	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	100.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi	
	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	50.000 đồng/người/buổi	40.000 đồng/người/buổi	
9	**Chi đóng hòm phiếu**	Mức chi tối đa 500.000 đồng/thùng		Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung
10	**Chi khắc dấu**	Mức chi tối đa 400.000 đồng/dấu		Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung
11	**Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử**		Mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng	Trường hợp bảng niêm yết danh sách bầu cử không thể sử dụng hoặc cần phải bổ sung
12	**Chi công tác in ấn**	Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu, giao nhiệm vụ		
13	**Chi công tác tuyên truyền bầu cử**	Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu, giao	Chi theo thực tế (mức chi tối đa 50.000.000	

STT	NỘI DUNG	MỨC CHI		GHI CHÚ
		Cấp Thành phố	**Cấp xã**	
		nhiệm vụ	đồng/cấp xã)	
14	**Chi phí hành chính khác phục vụ công tác bầu cử**	Chi theo thực tế	Chi theo thực tế (mức chi tối đa 30.000.000 đồng/cấp xã)	
15	**Chi ứng dụng công nghệ thông tin, Khoa học - Công nghệ, đổi mới sáng tạo; chuyển đổi số, xây dựng cập nhật, vận hành trang thông tin phục vụ công tác bầu cử**	Thực hiện theo quy định của pháp luật về công nghệ thông tin, khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; các định mức kinh tế - kỹ thuật và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan		
16	**Chi trang bị máy móc, thiết bị phục vụ công tác bầu cử của cơ quan thường trực Ủy ban bầu cử Thành phố**	Mức chi thực hiện theo định mức, tiêu chuẩn, chế độ chi hiện hành và các quy định có liên quan		